

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

๘๘๘



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

๘๘๐



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Mục tiêu đào tạo	1
1.1.1. Mục tiêu chung.....	1
1.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	1
1.1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp.....	2
1.2. Chuẩn đầu ra (CDR)	2
1.2.1 Chuẩn đầu ra chương trình.....	2
1.2.2. Chuẩn đầu ra môn học.....	3
1.3. Thời gian đào tạo	5
1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa	5
1.5. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.....	5
1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	5
1.6.1. Quy trình đào tạo.....	5
1.6.2 Điều kiện tốt nghiệp.....	6
1.7. Thang điểm:	6
1.8. Nội dung chương trình.....	6
1.8.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương).....	6
1.8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.....	8
1.9. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ.....	12
1.9.1. HỌC KỲ 1 – 14 Tín chỉ	12
1.9.2. HỌC KỲ 2 – 23 TC	12
1.9.3. HỌC KỲ 3 – 20 Tín chỉ	13
1.9.4. HỌC KỲ 4 – 24 Tín chỉ	14
1.9.5. HỌC KỲ 5 – 22 Tín chỉ	15
1.9.6. HỌC KỲ 6 (Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp) – 23 Tín chỉ	16
1.9.7. HỌC KỲ 6 (Chuyên ngành Ngân hàng) – 23 Tín chỉ.....	17
1.9.8. HỌC KỲ 7 (Học kỳ doanh nghiệp – Thực tập và khóa luận tốt nghiệp) – 7 Tín chỉ	17
PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	18

2.1. LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ.....	18
2.2. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN.....	19
2.3. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	20
2.4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2	21
2.5. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.....	22
2.6. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 1	23
2.7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 2	24
2.8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG.....	25
2.9. THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG	26
2.10. THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	27
2.11. TÀI CHÍNH CÔNG.....	28
2.12. TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA	29
2.13. THỰC HÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	31
2.14. SẢN PHẨM PHÁI SINH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO.....	32
2.15. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	33
2.16. TÀI CHÍNH QUỐC TẾ.....	34
2.17. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.....	35
2.18. KINH DOANH NGOẠI HỐI.....	36
2.19. THUẾ.....	37
2.20. THANH TOÁN QUỐC TẾ	38
2.21. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH.....	39
2.22. MÔ HÌNH TÀI CHÍNH.....	40
2.23. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	41
2.24. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	42
2.25. MARKETING NGÂN HÀNG	43
2.26. PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	44
2.27. HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG.....	46
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	47
3.1. Đối với các đơn vị đào tạo.....	47
3.2. Đối với giảng viên.	47

3.3. Kiểm tra, đánh giá.....	48
3.4. Đối với sinh viên.....	354

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình	: Tài chính – Ngân hàng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Tài chính – Ngân hàng
Tên ngành bằng tiếng Anh	: Finance and Banking
Mã số	:
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có kiến thức và kỹ năng làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; biết vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức, quản lý các hoạt động của một đơn vị, nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phẩm chất: Có phẩm chất đạo đức, chính trị và sức khỏe để tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Kiến thức: Sinh viên được đào tạo đầy đủ kiến thức về ngành Tài chính – Ngân hàng. Được trang bị đầy đủ kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để tạo ra sản phẩm có chất lượng và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của đất nước, với môi trường phát triển công nghệ 4.0 và hội nhập với tài chính quốc tế.
- Kỹ năng:

- ✓ Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, biết tính toán, phân tích - đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có khả năng hòa nhập vào cộng đồng, tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ.
- ✓ Có kỹ năng chuyên môn, thực hành: có khả năng trình bày, giải thích, phân tích, áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng (hoạch định chính sách tài chính - tiền tệ, phân tích và đầu tư tài chính tài chính, tín dụng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khoán...) từ đó phát huy tính sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, khả năng tự học và tự nghiên cứu để nâng trình độ cao hơn.

1.1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Có thể đảm nhiệm vị trí nhân viên, chuyên viên tài chính – ngân hàng và có thể là trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh hoặc giám đốc các tổ chức tín dụng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính – ngân hàng có thể làm việc ở các tổ chức tín dụng, làm nhân viên, chuyên viên phân tích tài chính tại các ngân hàng thương mại, làm việc tại cơ quan thuế và các tổ chức tài chính tín dụng khác. Ngoài ra, sinh viên có thể làm công tác kế toán tại các doanh nghiệp.
- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ làm cán bộ giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

1.2. Chuẩn đầu ra (CDR)

1.2.1 Chuẩn đầu ra chương trình

- 1.2.1.1. Có hiểu biết kiến thức về lý luận chính trị, đạo đức, phẩm chất cần thiết và có sức khỏe để làm việc, học tập suốt đời.
- 1.2.1.2. Vận dụng các kiến thức toán học vào các vấn đề thuộc lĩnh vực liên quan ngành Tài chính – Ngân hàng.
- 1.2.1.3. Thông hiểu và vận dụng kiến thức cơ sở ngành để xử lý các công việc Tài chính – Ngân hàng
- 1.2.1.4. Thông hiểu và vận dụng kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng để xử lý các công việc về Tài chính – Ngân hàng.
- 1.2.1.5. Biết tổng hợp các kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của một đơn vị cụ thể.

1.2.1.6. Biết nhận diện, diễn đạt và theo kịp với sự thay đổi của nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2.1.7. Biết sử dụng tốt các phần mềm phục vụ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

1.2.1.8. Có sự hiểu biết về ngành nghề và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong việc hành nghề Tài chính – Ngân hàng.

1.2.1.9. Biết phân tích, tổng hợp và đánh giá, báo cáo tài chính, thông tin kinh tế, tài chính, ngân hàng để cung cấp thông tin kinh tế tài chính, ngân hàng cho nhà quản lý ra quyết định. Đồng thời tư vấn cho nhà quản trị tổ chức bộ máy Tài chính – Ngân hàng phù hợp.

1.2.2. Chuẩn đầu ra môn học

CHUẨN ĐẦU RA– MÔN HỌC BẮT BUỘC

STT	Môn học/học phần	Chuẩn đầu ra chương trình								
		1.2.1.1	1.2.1.2	1.2.1.3	1.2.1.4	1.2.1.5	1.2.1.6	1.2.1.7	1.2.1.8	1.2.1.9
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	x								
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	x								
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	x								
5	Toán cao cấp		x							
6	Quy hoạch tuyến tính		x							
7	Xác suất thống kê		x							
8	Giáo dục thể chất 1	x								
9	Giáo dục thể chất 2	x								
10	Giáo dục thể chất 3	x								
11	Giáo dục quốc phòng AN 1	x								
12	Giáo dục quốc phòng AN 2	x								
13	Giáo dục quốc phòng AN 3	x								
14	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin							x		
15	Anh văn A1						x			
16	Anh văn A2						x			

17	Anh văn B1							X			
18	Anh văn B2							X			
19	Quản trị học			X							
20	Kỹ năng giao tiếp										
21	Kinh tế vi mô			X							
22	Kinh tế vĩ mô			X							
23	Luật kinh tế									X	
24	Nguyên lý kế toán			X							
25	Nguyên lý thống kê			X							
26	Lý thuyết tài chính tiền tệ			X							
27	Kinh tế lượng			X							
28	Tài chính doanh nghiệp 1				X	X					
29	Thuế				X					X	
30	Kế toán tài chính (dành cho khối không chuyên)				X						
31	Thanh toán quốc tế				X		X				
32	Tài chính quốc tế				X		X				
33	Tài chính công				X						
34	Ngân hàng thương mại 1				X					X	
35	Thực hành TCNH			X	X	X		X	X	X	
36	Thị trường tài chính			X	X		X				
37	Kế toán quản trị (dành cho khối không chuyên)				X						
38	Kế toán ngân hàng				X						
39	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư			X		X				X	X
40	Tài chính doanh nghiệp 2										X
41	Phân tích tài chính doanh nghiệp					X					X
42	Đầu tư tài chính					X					X
43	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro			X	X	X	X				X
44	Tài chính công ty đa quốc gia						X				
45	Ngân hàng thương mại 2			X	X					X	
46	Kinh doanh ngoại hối				X						
47	Quản trị ngân hàng			X	X					X	X

48	NHTW			X	X				X	
49	Marketing ngân hàng				X				X	
50	Thẩm định tín dụng			X		X			X	X

CHUẨN ĐẦU RA– MÔN HỌC TỰ CHỌN

STT	Môn học/học phần	Chuẩn đầu ra chương trình								
		1.2.1.1	1.2.1.2	1.2.1.3	1.2.1.4	1.2.1.5	1.2.1.6	1.2.1.7	1.2.1.8	1.2.1.9
1	Marketing căn bản			X						
2	Đạo đức kinh doanh								X	
3	Lịch sử các học thuyết KT			X						
4	Tài chính hành vi					X				
5	Mô hình tài chính									
6	Hệ thống thông tin TCNH				X				X	
7	Phân tích và đầu tư CK									X
8	Kiểm soát nội bộ									X
9	Kinh tế đầu tư			X	X					
10	Thực hành kế toán tài chính					X		X		

1.3. Thời gian đào tạo: 3.5 năm

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (không kể phần kiến thức: giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh).

- Khối kiến thức cơ bản (đại cương): 35 tín chỉ – chiếm 29%
- Khối kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ – chiếm 18%
- Khối kiến thức ngành: 56 tín chỉ – chiếm 47%
- Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ – chiếm 6%

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Quy trình đào tạo

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

Quá trình đào tạo được chia làm 7 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: Học kỳ 1, 2 và 3
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: Học kỳ 2 và 3

- Khối kiến thức ngành: Học kỳ 3, 4, 5 và 6
- Học kỳ doanh nghiệp (Thực tập và khóa luận tốt nghiệp): Học kỳ 7

1.6.2 Điều kiện tốt nghiệp

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: theo quy định của nhà trường.
- Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

1.7. Thang điểm: Theo Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định sốngày.....tháng.....năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh).

1.8. Nội dung chương trình

1.8.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 35 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
1	19200001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	0	
2	19200006	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	0	
3	19200002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
4	19200003	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	
5	18200004	Toán cao cấp	2	2	0	
6	18200005	Quy hoạch tuyến tính	2	2	0	
7	18200007	Xác suất thống kê	2	2	0	
8	17201001	Giáo dục thể chất 1	2	0	2	
9	17201002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	

10	17201003	Giáo dục thể chất 3	2	0	2	
11	17200004	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3	3	0	
12	17200005	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	3	3	0	
13	17202006	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	2	0	2	
14	20200001	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	1	2	
15	21200001	Anh văn A1	3	3	0	
16	21200002	Anh văn A2	3	3	0	
17	21200003	Anh văn B1	3	3	0	
18	21200004	Anh văn B2	3	3	0	
19	13200001	Quản trị học	2	2	0	
20	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	

1.8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 85 tín chỉ**1.8.2.1. Khối kiến thức cơ sở của ngành: 22 tín chỉ**

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
Môn bắt buộc: 20 tín chỉ						
1	13200002	Kinh tế vi mô	3	3	0	
2	13200005	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	
3	13200046	Luật kinh tế	2	2	0	
4	07200001	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
5	13200003	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
6	23200001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0	
7	13200053	Kinh tế lượng	3	3	0	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 3 môn học)						
1	13200004	Marketing căn bản	2	2	0	
2	13200056	Đạo đức kinh doanh	2	2	0	
3	19200005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	

1.8.2.2. Kiến thức ngành: 39 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
Môn bắt buộc: 36 tín chỉ						
1	23200003	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	0	
2	23200030	Thuế	3	3	0	
3	07200012	Kế toán tài chính (dành cho khối không chuyên)	3	3	0	
4	23200007	Thanh toán quốc tế	3	3	0	
5	23200006	Tài chính quốc tế	3	3	0	
6	23200038	Tài chính công	3	3	0	
7	23200010	Ngân hàng thương mại 1	3	3	0	
8	23201051	Thực hành Tài chính – ngân hàng	3	0	3	
9	23200002	Thị trường tài chính	3	3	0	
10	07200007	Kế toán quản trị (dành cho khối không chuyên)	3	3	0	
11	07200043	Kế toán ngân hàng	3	3	0	
12	23200050	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	3	0	
Môn tự chọn: 3 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 3 môn học)						
1	23200008	Tài chính hành vi	3	3	0	

2	23200017	Mô hình tài chính	3	3	0	
3	23200032	Hệ thống thông tin TCNH	3	2	1	

1.8.2.3. Kiến thức chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp (17 tín chỉ)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
Môn bắt buộc: 15 tín chỉ						
1	23200043	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3	0	
2	23200042	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	23200016	Đầu tư tài chính	3	3	0	
4	23200044	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro	3	3	0	
5	23200045	Tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 4 môn học)						
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	2	0	
2	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	2	0	
3	23200052	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
4	07201012	Thực hành kế toán tài chính	2	0	2	

1.8.2.4. Kiến thức chuyên ngành Ngân hàng (17 tín chỉ)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
Môn bắt buộc: 15 tín chỉ						
1	23200011	Ngân hàng thương mại 2	3	3	0	
2	23200022	Kinh doanh ngoại hối	2	2	0	
3	23200029	Quản trị ngân hàng	3	3	0	
4	23200033	NHTW	2	2	0	
5	23200018	Marketing ngân hàng	2	2	0	
6	23200021	Thẩm định tín dụng	3	3	0	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 4 môn học)						
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	2	0	
2	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	2	0	
3	23200052	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
4	07201012	Thực hành kế toán tài chính	2	0	2	

1.8.2.5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

- Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp: 4 tín chỉ

1.9. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ**1.9.1. HỌC KỲ 1 – 14 Tín chỉ**

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc					
1	17200005	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	3	3	0		x
2	19200001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2	0		
3	18200004	Toán cao cấp	2	2	0		
4	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0		
5	13200002	Quản trị học	2	2	0		
6	21200001	Anh văn A1	3	3	0		

1.9.2. HỌC KỲ 2 – 23 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc					
1	17201002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1		x
2	17201001	Giáo dục thể chất 1	2	2	0		
3	17200004	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3	3	0		
4	19200006	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3	0		

5	18200004	Xác suất thống kê	2	2	0		
6	13200002	Kinh tế vi mô	3	3	0		
7	07200001	Nguyên lý kế toán	3	3	0		
8	21200002	Anh văn A2	3	3	0		
9	23200001	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	1	2		

1.9.3. HỌC KỲ 3 – 20 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc					
1	17201003	Giáo dục thể chất 3	2	0	2		
2	13200003	Nguyên lý thống kê	3	3	0		
3	23200002	Thị trường tài chính	3	3	0		
4	13200005	Kinh tế vĩ mô	3	3	0		
5	19200003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0		
6	23200001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0		
7	21200003	Anh văn B1	3	3	0		

1.9.4. HỌC KỲ 4 – 24 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc							
1	23200003	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	0		
2	23200010	Ngân hàng thương mại 1	3	3	0		
3	07200012	Kế toán tài chính (dành cho khối không chuyên)	3	3	0		
4	23200038	Tài chính công	3	3	0		
5	18200008	Quy hoạch tuyến tính	2	2	0		
6	21200004	Anh văn B2	3	3	0		
7	17202006	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	2	0	2		
8	23200006	Tài chính quốc tế	3	3	0		
Môn học tự chọn (Chọn một trong 3 môn học)							
1	13200004	Marketing căn bản	2	2	0		
2	13200056	Đạo đức kinh doanh	2	2	0		
3	19200005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0		

1.9.5. HỌC KỲ 5 – 22 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc							
1	13200053	Kinh tế lượng	3	3	0		
2	07200043	Kế toán ngân hàng	3	3	0		
3	23200050	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	3	0		
4	07200007	Kế toán quản trị (dành cho khối không chuyên)	3	3	0		
5	19200002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
6	23200030	Thuế	3	3	0		
7	13200046	Luật kinh tế	2	2	0		
Môn học tự chọn (Chọn một trong 3 môn học)							
1	23200008	Tài chính hành vi	3	3	0		
2	23200017	Mô hình tài chính	3	3	0		
3	23200032	Hệ thống thông tin TCNH	3	2	1		

1.9.6. HỌC KỲ 6 (Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp) – 23 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc							
1	23200043	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3	0		
2	23200042	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0		
3	23200016	Đầu tư tài chính	3	3	0		
4	23200044	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro	3	3	0		
5	23200045	Tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0		
6	23200007	Thanh toán quốc tế	3	3	0		
7	23201051	Thực hành tài chính – ngân hàng	3	0	3		
Môn học tự chọn (Chọn một trong 4 môn học)							
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	2	0		
2	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	2	0		
3	23200052	Kinh tế đầu tư	2	2	0		
4	07201012	Thực hành kế toán tài chính	2	0	2		

1.9.7. HỌC KỶ 6 (Chuyên ngành Ngân hàng) – 23 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc							
1	23200011	Ngân hàng thương mại 2	3	3	0		
2	23200022	Kinh doanh ngoại hối	2	2	0		
3	23200029	Quản trị ngân hàng	3	3	0		
4	23200033	NHTW	2	2	0		
5	23200018	Marketing ngân hàng	2	2	0		
6	23200021	Thẩm định tín dụng	3	3	0		
7	23200007	Thanh toán quốc tế	3	3	0		
8	23201051	Thực hành tài chính – ngân hàng	3	0	3		
Môn học tự chọn (Chọn một trong 4 môn học)							
1	23200023	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	2	0		
2	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	2	0		
3	23200052	Kinh tế đầu tư	2	2	0		
4	07201012	Thực hành kế toán tài chính	2	0	2		

1.9.8. HỌC KỶ 7 (Học kỳ doanh nghiệp – Thực tập và khóa luận tốt nghiệp) – 7 Tín chỉ

PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**2.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

2.1.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ

Tên tiếng Anh: Monetary and Financial Theories

2.1.2. Mã số học phần: 0101003104

2.1.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.1.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 1

2.1.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.1.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Môn học song hành: Không

2.1.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 00 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.1.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là trong một trong những môn học cơ sở khối ngành chương trình đào tạo cử nhân Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ như: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; lý luận cơ bản về tiền tệ; khái quát những nội dung cơ bản về các khâu tài chính trong hệ thống tài chính (tài chính công, tài chính doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng); tín dụng - lãi suất và hoạt động thị trường tài chính. Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng

cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.

2.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

2.2.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**

Tên tiếng Anh: Principles of Accounting

2.2.2. Mã số học phần: 0101003428

2.2.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.2.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 1

2.2.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.2.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Không

Môn học song hành: Không

2.2.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15tiết

+ Các hoạt động khác (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.2.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn nguyên lý kế toán là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành. Nội dung cơ bản của môn nguyên lý kế toán bao gồm việc trình bày và giải thích đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán được sử dụng để thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin và một số nội dung kế toán cơ bản trong doanh nghiệp. Môn học nguyên lý kế toán sẽ rất bổ ích

cho những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về kế toán.

Nguyên lý kế toán là một trong những môn học cơ sở khối ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp những kiến thức nền tảng cần thiết, những nguyên tắc và khái niệm căn bản về kế toán trên phương diện là một khoa học và hiểu biết tổng quát về nghề nghiệp kế toán hiện nay ở Việt Nam, làm cơ sở cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu những nội dung sâu hơn về kế toán cũng như tiến hành những nghiên cứu xa hơn về tài chính, kinh tế và quản lý.

2.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

2.3.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp 1

Tên tiếng Anh: Corporate Finance 1

2.3.2. Mã số học phần: 0101004175

2.3.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.3.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.3.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.3.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Không

Môn học song hành: Không

2.3.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.3.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn Tài chính doanh nghiệp 1 là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về tài chính qua đó người học có thể hoạch định về ngân sách đầu tư, thẩm định dự án và ra quyết định đầu tư. Nội dung cơ bản của môn học bao gồm việc giới thiệu về các loại hình doanh nghiệp và mối quan hệ của nó với thị trường tài chính trong nền kinh tế; giá trị tiền tệ theo thời gian và các ứng dụng trong tài chính; các quy tắc thẩm định dự án đầu tư rồi từ đó đưa ra quyết định đầu tư; chi phí sử dụng vốn (WACC) và hoạch định ngân sách vốn đầu tư; các vấn đề liên quan đến định giá trái phiếu, định giá cổ phiếu và định giá doanh nghiệp làm cơ sở cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu xa hơn về tài chính, kinh tế và quản lý sau này.

2.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2

2.4.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp 2

Tên tiếng Anh: Corporate Finance 2

2.4.2. Mã số học phần: 0101004178

2.4.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.4.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.4.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.4.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Có

Môn học tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.4.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 0 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.4.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Môn tài chính doanh nghiệp 2 là môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của môn tài chính doanh nghiệp 2 bao gồm việc trình bày và giải thích chi phí sử dụng vốn, tỷ suất sinh lời và rủi ro, cấu trúc vốn, cổ tức và các hình thức chi trả cổ tức, tài trợ dài hạn bằng hình thức huy động vốn và thuê tài sản. Môn học tài chính doanh nghiệp 2 sẽ rất bổ ích cho những ai muốn nghiên cứu chuyên sâu về tài chính.

Tài chính doanh nghiệp 2 là một trong những môn học chuyên sâu trong chương trình đào tạo cử nhân tài chính doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, giúp hiểu và đưa ra các quyết định tài chính, phục vụ hiệu quả cho các nhà quản lý doanh nghiệp, tổ chức tín dụng. Nó cung cấp những kiến thức chuyên sâu cần thiết, người học có thể vận dụng những kiến thức này để thực hiện các chính sách tài chính quan trọng của doanh nghiệp, người học có thể làm việc trong định chế tài chính hoặc là giám đốc tài chính trong doanh nghiệp.

2.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2.5.1 Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Tên tiếng Anh: Corporate Finance Analysis

2.5.2 Mã số học phần: 0103003519

2.5.3 Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.5.4 Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.5.5 Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.5.6 Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp.

Môn học song hành: Không

2.5.7 Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Bài tập: 15 tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.5.8 Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Môn Phân tích tài chính là môn học thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức chuyên môn về tài chính làm cơ sở cho việc “chẩn đoán sức khỏe” tài chính của một doanh nghiệp, cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định tài chính của các đối tượng có liên quan. Nội dung cơ bản của môn Phân tích tài chính bao gồm các vấn đề cơ bản về phân tích tài chính, các phương pháp phân tích, các nhóm tỷ số sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp và các chủ đề đặc biệt có liên quan đến các nhóm ra quyết định tài chính. Ngoài ra, môn học cũng góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phản biện, đề xuất và giải quyết vấn đề, giao tiếp bằng văn bản và sử dụng excel trong lĩnh vực tài chính.

2.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 1

2.6.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Ngân hàng thương mại 1

Tên tiếng Anh: Commercial bank 1

2.6.2 Mã số học phần: 0101007010

2.6.3 Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.6.4 Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2

2.6.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.6.6 Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.6.7 Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 15 tiết
- + Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.6.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học trình bày các hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng thương mại (NHTM), giúp người học hiểu được tổng thể các sản phẩm dịch vụ kinh doanh của NHTM, mối quan hệ hỗ trợ giữa các dịch vụ này nhằm tạo ra lợi nhuận cho các ngân hàng. Học phần này bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về ngân hàng thương mại, Nguồn vốn của NHTM, Hoạt động tín dụng của NHTM, Dịch vụ thanh toán trong nước và các dịch vụ khác của NHTM.

2.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 2

2.7.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2

Tên tiếng Anh: Commercial Banking Operations II

2.7.2. Mã số Học phần: 0101007011

2.7.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.7.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.7.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.7.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1

Môn học song hành:

2.7.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 26tiết
- + Thực hành/Bài tập: 13tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm):6tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.7.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2 là môn học thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại như các lý luận về tín dụng ngân hàng, điều kiện cấp tín dụng, quy trình tín dụng theo từng hình thức cấp tín dụng, các kỹ thuật cấp tín dụng cho khách hàng. Nội dung cơ bản của môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2 bao gồm nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ cho thuê tài chính, nghiệp vụ chiết khấu, nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, nghiệp vụ bao thanh toán, nghiệp vụ tín dụng tài trợ xuất, nhập khẩu.

Ngoài kiến thức đạt được môn học nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2 còn rèn luyện kỹ năng về thuyết trình, phân tích tình huống, xử lý tình huống.

2.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

2.8.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Ngân hàng trung ương

Tên tiếng Anh: Central bank

2.8.2. Mã số học phần: 0101007033

2.8.3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

2.8.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.8.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.8.6 Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.8.7 Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 5 tiết

+ Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

2.8.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị những kiến thức tổng quát nhất về ngân hàng trung ương (NHTW) và những hoạt động của ngân hàng trung ương, vai trò của ngân hàng trung ương đối với các tổ chức tín dụng và trong nền kinh tế xã hội. Học phần này bao gồm các nội dung sau: tổng quan về NHTW, nghiệp vụ phát hành tiền; nghiệp vụ tín dụng và thanh toán, nghiệp vụ thị trường mở, nghiệp vụ quản lý ngoại hối và điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) quốc gia, thanh tra giám sát và kiểm soát nội bộ của NHTW.

2.9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG

2.9.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thẩm định tín dụng

Tên tiếng Anh: Credits Appraisal

2.9.2. Mã số học phần: 0101007056

2.9.3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)

2.9.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 4

2.9.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.9.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: - Tài chính doanh nghiệp

- Phân tích tài chính
- Thẩm định dự án đầu tư
- Nghiệp vụ ngân hàng

Môn học song hành: Không

2.9.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết : 20 tiết
- + Bài tập : 15 tiết
- + Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.9.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Học phần Thẩm định tín dụng là học phần bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành tài chính ngân hàng. Thẩm định tín dụng cung cấp những kiến thức cơ bản về thẩm định tín dụng; Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng; Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng; Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư; Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay; Lập tờ trình thẩm định tín dụng.

2.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.10.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư

Tên tiếng Anh: project Appraisal

2.10.2. Mã số Học phần: 0101006208

2.10.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.10.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.10.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.10.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: - Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
 - Lý thuyết tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp
 - Nghiệp vụ ngân hàng.

Môn học song hành: Không

2.10.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết
 + Thực hành/Bài tập: 15 tiết
 + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết
 + Tự học: 90 tiết

2.10.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Học phần Thẩm định dự án đầu tư là môn học thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức chuyên môn về dự án đầu tư làm cơ sở cho việc cân nhắc, ra quyết định lựa chọn dự án có khả thi nhất để thực hiện đầu tư. Học phần Thẩm định dự án đầu tư bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư; Phương pháp lập dự án đầu tư; Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư; Phân tích tài chính và xây dựng dòng tiền cho dự án đầu tư; Thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư; Thẩm định kinh tế xã hội và môi trường dự án đầu tư; Ứng dụng Excel trong thẩm định dự án đầu tư.

2.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH CÔNG

2.11.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tài chính công

Tên tiếng Anh: Public Finance

2.11.2. Mã số học phần: 0101004332

2.11.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.11.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2

2.11.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bỏ trợ <input type="checkbox"/>

2.11.6 Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kinh tế học, Lý thuyết Tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.11.7 Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 05 tiết

+ Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.11.8 Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tài chính công là tổng thể các hoạt động thu chi bằng tiền do Nhà nước tiến hành, nó phản ánh hệ thống các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ công, nhằm phục vụ việc thực hiện các chức năng của Nhà nước và đáp ứng các nhu cầu, lợi ích chung của toàn xã hội. Do đó, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính chính công; Hiểu được nhiệm vụ tài chính công là công cụ của Nhà nước dùng để tác động với mục đích phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội; Biết được hệ thống NSNN bao gồm: tổ chức, nguyên tắc, phân cấp quản lý, mục lục, quản lý chu trình NSNN; Hiểu được các nguồn thu tài chính công nhằm tạo lập quỹ NSNN và những quỹ ngoài ngân sách sử dụng vào các nhiệm vụ chi tiêu công bao gồm: chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển; Biết các loại thuế và các sắc thuế, lệ phí, phí làm nguồn thu cho NSNN; Hiểu được sự quản lý Nhà nước về tài chính công, về nợ công và chính sách tài chính công của quốc gia. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong việc phân tích được nguồn thu và nhiệm vụ chi của Nhà nước trong năm tài khóa trên bảng dự toán NSNN hàng năm; Nhận xét được những bất cập trong thực tế về những hoạt động cụ thể của NSNN và có thái độ chấp hành ý thức pháp luật về hoạt động của NSNN.

2.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA

2.12.1 Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tài chính công ty đa quốc gia

Tên tiếng Anh: Multinational Corporations Finance

2.12.2 Mã số học phần: 0101004158

2.12.3 Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.12.4 Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.12.5 Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.12.6 Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Tài chính quốc tế

Môn học song hành: Không

2.12.7 Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 05 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.12.8 Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động tài chính của các công ty đa quốc gia, bao gồm: Kiến thức tổng quan về tài chính công ty đa quốc gia và quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị tác động rủi ro hối đoái; Quyết định tài trợ quốc tế; Quản trị tài sản ngắn hạn quốc tế; Các hình thức đầu tư nước ngoài và quản trị hệ thống tài chính đa quốc gia. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên một số kỹ năng: Sinh viên hiểu rõ, tính toán và sử dụng được các kỹ thuật phòng ngừa dựa trên phân tích lợi ích và chi phí của từng chiến lược phòng ngừa; Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng và xử lý tình huống xảy ra trên thực tế đối với hoạt động quản trị tài chính các công ty đa quốc gia; Trang bị vấn đề nghiên cứu/ kỹ năng nghiên cứu về đánh giá lựa chọn đầu tư nước ngoài, đầu tư trực tiếp nước ngoài và mua bán sáp nhập xuyên quốc gia giúp người học hiểu được những rủi ro, thách thức và cơ hội đối với hoạt động tài chính của các công ty đa quốc gia. Đồng thời giúp sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật về quản lý các

hoạt động của MNCs trong lĩnh vực đầu tư và chu chuyển vốn vào và ra khỏi lãnh thổ quốc gia.

2.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THỰC HÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

2.13.1.Tên học phần: Thực hành Tài chính ngân hàng

Tên tiếng Việt: Thực hành tài chính ngân hàng

Tên tiếng Anh: Practice finance banking

2.13.2.Mã số Học phần: 0101004531

2.13.3.Số tín chỉ: 3(0,3,6)

2.13.4.Trình độ: Dành cho sinh viên đại học chính quy năm thứ 3

2.13.5.Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.13.6.Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại.

Môn học song hành: Không

2.13.7.Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 5 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 40 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.13.8.Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học thực hành tài chính ngân hàng là môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng lập, thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng là cá nhân và doanh nghiệp; Bên cạnh đó, việc học môn thực hành tài chính ngân hàng sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về phân tích báo cáo tài chính đối với khách hàng doanh nghiệp. Thông qua việc phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp cho chúng ta biết được tình hình “sức khỏe” về tài chính của một doanh

nghiệp và đây cũng là nguồn thông tin hữu ích làm cơ sở trong việc ra quyết định cho các đối tượng có liên quan.

Nội dung cơ bản của môn thực hành tài chính ngân hàng bao gồm:

Thứ nhất, Tiếp xúc và hướng dẫn khách hàng làm thủ tục vay vốn (kiểm tra tư cách pháp lý, tình hình hoạt động SXKD, năng lực tài chính...; bổ sung hồ sơ vay vốn mà khách hàng còn thiếu;

Thứ hai, Thẩm định:

- Thẩm định hồ sơ do KH cung cấp;
- Phân tích báo cáo tài chính (đối với hồ sơ vay vốn của KH doanh nghiệp);
- Lập tờ trình thẩm định

Thứ ba, Ra quyết định tín dụng và thông báo kết quả

Thứ tư, Lập hợp đồng tín dụng và hoàn tất thủ tục pháp lý về bảo đảm tín dụng

Thứ năm, Giải ngân

Thứ sáu, Kiểm tra sau cho vay, thu nợ (thu lãi, thu gốc), thanh lý hợp đồng tín dụng/xử lý nợ

2.14. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: SẢN PHẨM PHÁI SINH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

2.14.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Quản trị rủi ro tài chính

Tên tiếng Anh: Financial Risk Management

2.14.2. Mã số Học phần: 0101003974

2.14.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.14.4. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 3

2.14.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.14.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp.

Môn học song hành: Không

2.14.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.14.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về rủi ro kiệt giá tài chính; các công cụ phái sinh; thị trường giao dịch các công cụ phái sinh; định giá các công cụ phái sinh và các chiến lược phòng ngừa rủi ro kiệt giá tài chính bằng các công cụ phái sinh. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng nhận biết các rủi ro kiệt giá tài chính, kỹ năng tính toán giá của các công cụ phái sinh, kỹ năng đánh giá được vị thế, xác định chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng công cụ phái sinh và xác định lợi nhuận từ các chiến lược phòng ngừa.

2.15. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

2.15.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Quản trị ngân hàng

Tên tiếng Anh: Bank Management

2.15.2. Mã số học phần: 0101003956

2.15.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.15.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.15.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.15.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Ngân hàng thương mại 1

Môn học song hành: Không

2.15.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 15 tiết
- + Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.15.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM). Học phần này bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về quản trị ngân hàng, Quản trị vốn tự có, Quản trị nợ, Quản trị tài sản, Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, Quản trị kết quả tài chính của ngân hàng thương mại.

2.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

2.16.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tài chính quốc tế

Tên tiếng Anh: International Finance

2.16.2. Mã số học phần: 0101004182

2.16.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.16.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.16.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.16.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.16.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 33 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 0
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 12 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.16.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tài chính quốc tế là môn học nhằm cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế, mối quan hệ lạm phát, lãi suất và tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán, chính sách thương mại và bảo hộ mậu dịch. Học phần này bao gồm các nội dung: Tổng quát về tài chính quốc tế; Giới thiệu về sản phẩm tài chính phái sinh và thị trường tài chính quốc tế; Chu chuyển vốn quốc tế; Chính sách mậu dịch quốc tế của quốc gia; Học thuyết ngang giá sức mua và ngang giá lãi suất.

2.17. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

2.17.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thị trường tài chính

Tên tiếng Anh: Finance Market

2.17.2. Mã số học phần: 0101004550

2.17.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.17.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.17.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.17.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

- Môn học trước:
- Kinh tế vi mô
 - Kinh tế vĩ mô
 - Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Tài chính doanh nghiệp

2.17.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 10 tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 15 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.17.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Tổng quan thị trường phái sinh, vai trò và lợi ích của thị trường tài chính. Ước định giá các sản phẩm phái sinh, cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ. Chiến lược định giá khớp lệnh cổ phiếu kiểu Mỹ và kiểu Hà Lan.

2.18. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KINH DOANH NGOẠI HỐI

2.18.1. Tên học phần:

- Tên tiếng Việt: Kinh doanh ngoại hối
- Tên tiếng Anh: Foreign Exchange Trading

2.18.2. Mã số học phần: 0101002292

2.18.3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

2.18.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 4

2.18.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.18.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

- Môn học tiên quyết:
- Môn học trước: Thanh toán quốc tế
- Môn học song hành: Không

2.18.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 14 tiết
- + Bài tập: 10 tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 6 tiết

+ Tự học: 60 tiết

2.18.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Học phần kinh doanh ngoại hối bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối; nghiệp vụ giao ngay; nghiệp vụ kỳ hạn; nghiệp vụ hoán đổi; nghiệp vụ quyền chọn; nghiệp vụ giao sau.

2.19. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THUẾ

2.19.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thuế

Tên tiếng Anh: Tax

2.19.2. Mã số học phần: 0101005958

2.19.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.19.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2

2.19.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.19.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.19.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 10 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 00 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.19.8. Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Học phần Thuế tập trung giới thiệu khái quát hóa cơ sở lý luận Thuế và các Luật Thuế cơ bản đang được vận hành trong nền kinh tế thị trường Việt Nam. Thuế hiện nay đóng một

vai trò hết sức quan trọng và là công cụ trọng yếu của Nhà nước. Bên cạnh việc tạo lập nguồn thu cho NSNN, Thuế còn là công cụ điều tiết và quản lý kinh tế vĩ mô, khắc phục những hạn chế của thị trường và tái phân phối thu nhập xã hội. Chính vì thế, việc trang bị cho sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế kiến thức về Thuế là hết sức cần thiết. Như vậy, sau khi học xong môn này, sinh viên phải: trình bày được nội dung cơ bản liên quan đến thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT, thuế TNDN và thuế Thu nhập cá nhân; Phân biệt được các loại thuế; Tính và khai báo được các loại thuế: Thuế XNK, Thuế TTĐB, Thuế GTGT, Thuế TNDN, thuế TNCN. Đồng thời, sinh viên phải có thái độ khách quan, trung thực, cẩn thận, chịu khó và có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn học này; Đánh giá được những nét cơ bản các chính sách Thuế của Nhà nước, cũng như trong việc áp dụng các hiểu biết đã đạt được để xử lý thực tế các nghiệp vụ Thuế.

2.20. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THANH TOÁN QUỐC TẾ

2.20.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thanh toán quốc tế

Tên tiếng Anh: International Payment

2.20.2. Mã số học phần: 0101004347

2.20.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.20.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.20.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.20.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Không

2.20.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết

- + Bài tập: 15 tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.20.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối; Các phương tiện thanh toán quốc tế; Điều kiện thương mại quốc tế và bộ chứng từ thanh toán và Các phương thức thanh toán quốc tế.

2.21. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.21.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Đầu Tư Tài Chính

Tên tiếng Anh: Financial Investment

2.21.2. Mã số học phần: 0101006832

2.21.3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)

2.21.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.21.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.21.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Phải hoàn thành môn học lý thuyết tài chính tiền tệ, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học tiên quyết:

- Môn học trước:
- Thị trường tài chính
 - Thị trường chứng khoán

- Môn học song hành:
- Tài chính doanh nghiệp 2, Phân tích tài chính
 - Phân tích và đầu tư chứng khoán, Mô hình tài chính

2.21.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 45 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 0 tiết
- + Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.21.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Giải thích được lợi nhuận rủi ro của DMĐT, mô hình Markowitz, mô hình chỉ số đơn, mô hình CAPM.
- Phân biệt các phương pháp xây dựng và quản lý DMĐT bao gồm : quy trình xây dựng DMĐT, các chiến lược quản lý DMĐT, phương pháp QLDMĐT cổ phiếu.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của DMĐT....
- Ứng dụng tin học để giải quyết những bài toán cụ thể trong quản lý danh mục đầu tư.

2.22. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: MÔ HÌNH TÀI CHÍNH

2.22.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Mô hình tài chính

Tên tiếng Anh: Financial Modelling

2.22.2. Mã số học phần: 0101003289

2.22.3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)

2.22.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.22.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.22.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Phải hoàn thành môn học lý thuyết tài chính tiền tệ, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học tiên quyết: - Toán tài chính, Quy hoạch tuyến tính

Môn học trước: - Thị trường tài chính, Thị trường chứng khoán

Môn học song hành: - Tài chính doanh nghiệp 2, Phân tích tài chính
- Phân tích và đầu tư chứng khoán, Đầu tư tài chính

2.22.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 45 tiết
+ Thực hành/Bài tập: 0 tiết
+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết
+ Tự học: 90 tiết

2.22.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lập mô hình tài chính
- Mô hình tối ưu hóa tuyến tính
- Mô hình tối ưu hóa phi tuyến tính

2.23. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

2.23.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kế Toán Quản Trị

Tên tiếng Anh: Management Accounting

2.23.2. Mã số học phần: 0101002050

2.23.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.23.4. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 3

2.23.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bỏ trợ <input type="checkbox"/>

2.23.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: - Nguyên lý kế toán
- Kế toán tài chính 1

Môn học song hành: - Kế toán tài chính 2

2.23.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
- + Thực hành/Bài tập: 15 tiết
- + Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết
- + Tự học: 90 tiết

2.23.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn kế toán quản trị là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán quản trị, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học chuyên sâu về kế toán quản trị cũng như ứng dụng vào công việc tại một doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của môn kế toán quản trị bao gồm việc trình bày và giải thích những yêu cầu về thông tin kế toán cho việc thực hiện các chức năng quản lý trong doanh nghiệp, phương thức quản trị chi phí, các phương pháp kế toán quản trị được sử dụng để lập và lựa chọn phương án kinh doanh, lập dự toán, đánh giá trách nhiệm bộ phận, định giá sản phẩm, dịch vụ và quyết định giá bán trong các trường hợp đặc biệt, ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Môn học kế toán quản trị sẽ rất bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về kế toán và kinh doanh. Kế toán quản trị là một trong những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp những kiến thức nền tảng cần thiết, những nguyên tắc và khái niệm căn bản về kế toán quản trị trên phương diện là một khoa học và hiểu biết tổng quát về nghề nghiệp kế toán quản trị hiện nay ở Việt Nam, làm cơ sở cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu những nội dung sâu hơn về kế toán quản trị cũng như tiến hành những nghiên cứu xa hơn về tài chính, kinh tế và quản lý.

2.24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

2.24.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kế toán tài chính

Tên tiếng Anh: Financial Accounting

2.24.2. Mã số học phần: 0101002063

2.24.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.24.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.24.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.24.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.24.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.24.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu tổng quát về Kế toán tài chính trong doanh nghiệp, cung cấp các kiến thức kế toán chuyên sâu qua các chuyên đề cụ thể như kế toán hàng tồn kho; kế toán tài sản cố định; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và kế toán lập báo cáo tài chính. Vận dụng tốt kiến thức để giải quyết những tình huống kế toán về hàng tồn kho, các loại tài sản cố định trong doanh nghiệp, xác định doanh thu, chi phí từ đó tính toán xác định kết quả kinh doanh, tính toán và lập báo cáo tài chính. Có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về các loại hàng tồn kho, tài sản cố định trong doanh nghiệp. Tổng hợp, báo cáo kế toán theo hướng dẫn chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành và trình bày và công bố thông tin trên báo cáo tài chính.

2.25. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: MARKETING NGÂN HÀNG

2.25.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Marketing Ngân Hàng

Tên tiếng Anh: Financial Service Marketing

2.25.2. Mã số học phần: 0101003205

2.25.3.Số tín chỉ: 2(2,0,4)

2.25.4.Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.25.5.Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.25.6.Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Marketing căn bản

Môn học song hành: Không

2.25.7.Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 00 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 00 tiết

+ Tự học: 60 tiết

2.25.8.Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về marketing ngân hàng; nghiên cứu môi trường marketing ngân hàng; phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu; chiến lược sản phẩm, chiến lược giá; chiến lược kênh phân phối, chiến lược truyền thông tích hợp và kỹ năng áp dụng các kiến thức Marketing vào hoạt động Tài chính – Ngân Hàng như: nghiên cứu môi trường hoạt động của ngân hàng, phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu, kỹ năng vận dụng bốn công cụ marketing hỗn hợp như chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược kênh phân phối, chiến lược truyền thông tích hợp để xây dựng chiến lược marketing hiệu quả.

2.26. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

2.26.1.Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phân tích và đầu tư chứng khoán

Tên tiếng Anh: Securities Analysis and investment

2.26.2.Mã số học phần: 0101003640

2.26.3.Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

2.26.4.Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.26.5.Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.26.6.Điều kiện tiên quyết gồm: Phải hoàn thành môn học lý thuyết tài chính tiền tệ, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: - Thị trường tài chính, Thị trường chứng khoán

Môn học song hành: - Tài chính doanh nghiệp 2, Phân tích tài chính
- Phân tích và đầu tư chứng khoán, Mô hình tài chính

2.26.7.Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 0 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết

+ Tự học: 60 tiết

2.26.8.Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lý thuyết thị trường tài chính, các mô hình đầu tư tài chính, tài sản tài chính và các định chế tài chính trung gian.
- Lý thuyết thị trường tiền tệ, khái niệm thị trường tín dụng ngắn hạn, nội dung các hợp đồng tín dụng, các hình thức tín dụng ứng trước, kỹ thuật tín dụng ứng trước.
- Lý thuyết thị trường hối đoái, tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường hối đoái.
- Khái niệm thị trường trái phiếu, các loại trái phiếu, rủi ro trong đầu tư trái phiếu

- Khái niệm thị trường cổ phiếu, đặc điểm, thị trường thứ cấp, thị trường sơ cấp và các yếu tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu
- Khái niệm thị trường công cụ phái sinh, các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư, các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

2.27. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

2.27.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Tên tiếng Anh: BANKING AND FINANCIAL INFORMATION SYSTEM

2.27.2. Mã số học phần: 01010070049

2.27.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.27.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 4

2.27.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.27.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Ngân hàng thương mại, Tài chính doanh nghiệp
Thị trường tài chính

Môn học song hành: Không

2.27.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 30 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết

+ Tự học: 120 tiết

2.27.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát những vấn đề chung về hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng

- Nhận diện dòng dữ liệu trong quy trình hệ thống tài chính ngân hàng
- Vận dụng thành thạo các kỹ năng như định dạng dữ liệu, lập các công thức, sử dụng các hàm hỗ trợ.
- Áp dụng các hàm excel để tính các bài toán khấu hao tài sản cố định, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư, nắm được các hàm tính giá trị đầu tư chứng khoán.
- Áp dụng các hàm excel giải các bài toán mua hàng trả góp, tính điểm hòa vốn của dự án, phân tích các trường hợp tốt xấu và xác suất xảy ra các trường hợp tốt xấu của một dự án mục tiêu, thiết kế báo cáo bằng công cụ Pivot
- Nhận thức đúng đắn về vai trò của công nghệ thông tin trong tài chính ngân hàng, từ đó linh hoạt vận dụng các công cụ cần thiết.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

3.2. Đối với giảng viên.

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Semina, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

3.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ.
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

3.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Semina.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHẦN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TP. HCM, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH TRƯỞNG KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG KH&ĐT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TP. HCM, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG